

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	636,951,988	76,446,721
1	Tiền	92,835,438	8,263,754
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	156,238,130	13,243,980
	- Chứng khoán tự doanh	34,744,159	15,869,458
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	121,670,028	6,831,000
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	-176,057	-9,456,478
3	Các khoản phải thu	386,556,471	53,530,248
4	Vật liệu công cụ tồn kho	9,060	9,060
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,312,889	1,399,679
II	Tài sản dài hạn	9,573,319	8,428,352
1	Tài sản cố định	7,402,860	5,820,788
	- Tài sản cố định hữu hình	6,654,399	5,422,178
	- Tài sản cố định vô hình	748,461	398,610
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	2,170,459	2,607,564
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	646,525,307	84,875,073
IV	Nợ phải trả	599,572,213	41,860,473
1	Nợ ngắn hạn	599,572,213	41,860,473
2	Nợ dài hạn		
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	46,953,094	43,014,600
1	Vốn góp ban đầu	45,000,000	100,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	1,953,094	-56,985,400
4	Vốn điều chỉnh		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	646,525,307	84,875,073

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	46,290,314	32,217,602
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-1,463,416	
3	Doanh thu thuần	44,826,898	32,217,602
4	Thu lãi tiền gửi	9,133,671	2,389,663
5	Chi phí tài chính	-295,075	
6	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi tiền gửi	53,665,494	34,607,265
7	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	-73,030,524	-20,758,182
8	LN gộp về hoạt động kinh doanh chứng khoán	-19,365,030	13,849,083
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-39,850,660	-11,897,189
10	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh chứng kho	-59,215,690	1,951,894
11	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	277,196	1,200
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-58,938,494	1,953,094
13	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	-58,938,494	1,953,094
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-58,938,494	1,953,094
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		0,043
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		1%	10%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		99%	90%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		93%	49%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		7%	51%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0.15	0.20
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.06	1.83
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		6%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		4%	

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Hồng Lan